

**ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 169/QĐ-UBND

Phường Bình Định, ngày 02 tháng 04 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố thực hiện dự toán ngân sách
Quý I năm 2024 của Phường Bình Định

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG BÌNH ĐỊNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số : 40/NQ-HĐND ngày 26 tháng 12 năm 2023 của HĐND Phường Bình Định khóa XI, kỳ họp thứ 8 về phê duyệt dự toán thu, chi ngân sách Phường Bình Định năm 2024;

Xét đề nghị của Công chức Tài chính – Kế toán UBND phường Bình Định,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách quý I năm 2024 của phường Bình Định (theo các biểu mẫu kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Công chức Văn phòng – Thống kê HĐND- UBND phường, Tài chính – Kế toán phường Bình Định tổ chức thực hiện Quyết định này ./.

Nơi nhận:

- UBND thị xã (thay báo cáo);
- Phòng TC – KH thị xã (thay báo cáo);
- TT. Đảng ủy phường) (thay báo cáo);
- TT. HĐND phường (thay báo cáo);
- Chủ tịch, các PCT (được biết);
- Như điều 3 (thực hiện);
- Lưu: VT, TC.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Anh Dũng

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH PHƯỜNG QUÝ I NĂM 2024

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	THỰC HIỆN QUÝ I	SO SÁNH
A	B	1	2	3=2/1
I	TỔNG SỐ THU	29.512	8.939,97	30,29
1	Các khoản thu xã hưởng 100%	1.769	39	2,18
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (1)	26.924	2.134	7,93
3	Thu bổ sung	160	48	30,00
	- <i>Thu bổ sung cân đối</i>			
	- <i>Thu bổ sung có mục tiêu</i>	160	48	30,00
4	Thu chuyển nguồn	659	6.719	
5	Thu kết dư ngân sách năm trước		-	
II	TỔNG SỐ CHI	29.512	2.575,60	8,73
1	Chi đầu tư phát triển	18.630	-	-
2	Chi thường xuyên	10.292	2.575,60	25,03
3	Dự phòng	590	-	-

THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH PHƯỜNG QUÝ I NĂM 2024

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2024		THỰC HIỆN QUÝ I		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU	76.366	29.512	22.507,57	8.939,97	29,47	30,29
I	Các khoản thu 100%	1.769	1.769	38,64	38,64	2,18	2,18
	Phí, lệ phí	89	89	2,90	2,90	3,26	3,26
	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	1.000	1.000	16,49	16,49	1,65	1,65
	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định	100	100	18,25	18,25	18,25	18,25
	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
	Đóng góp của nhân dân theo quy định			1,00	1,00		
	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
	Thu khác	580	580	-		-	-
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	73.778	26.924	15.701,77	2.134,17	21,28	7,93
1	Các khoản thu phân chia	3.758	3.758	1.420,09	1.420,09	37,79	37,79
	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	1.090	1.090	200,97	200,97	18,44	18,44
	- Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
	- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	334	334	213,20	213,20	63,83	63,83
	- Lệ phí trước bạ nhà, đất	2.334	2.334	1.005,93	1.005,93	43,10	43,10
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	70.020	23.166	14.281,68	714,08	20,40	3,08
	Tiền sử dụng đất	20.700	20.700	-	-	-	-
	Thuế VAT, TNDN	49.320	2.466	14.281,68	714,08	28,96	28,96
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV	Thu chuyển nguồn	659	659	6.719,16	6.719,16		
V	Thu kết dư ngân sách năm trước			-			
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	160	160	48	48	30	30
	- Thu bổ sung cân đối						
	- Thu bổ sung có mục tiêu	160	160	48	48	30	30

Tỉnh : Bình Định

Thị xã : An Nhơn

Phường : Bình Định

Biểu số 115/CK TC-NSNN

THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH PHƯỜNG QUÝ I NĂM 2024

(Ban hành kèm theo Thông tư số 344/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ tài chính)

ĐVT: Tr. đồng

Nội dung	Dự toán năm 2024			Thực hiện quý I			So sánh (%)		
	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX
1	2	3	4	5	6	7	8=5/2	9=6/3	10=7/4
Tổng số chi	29.512	18.630	10.292	2.575,6	0	2.575,6	8,73	0,00	25,03
1. Chi cho công tác dân quân tự vệ trật tự an toàn xã hội			1.503			423			28,14
- Chi dân quân tự vệ			1.268			373			29,42
- Chi trật tự an toàn xã hội			235			50			21,28
2. Chi giáo dục			10						0,00
3. Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ			15			8,60			57,33
4. Chi Y tế			20						0,00
5. Chi văn hóa, thông tin			130			63			48,46
6. Chi phát thanh, truyền thanh			69			20			28,99
7. Chi thể dục, thể thao			40			5			12,50
8. Chi bảo vệ môi trường									
9. Chi các hoạt động kinh tế			2.638			590			22,37
- Giao thông			50						0,00
- Nông- lâm-thủy lợi-hải sản			50						0,00
- Thị chính			268			200			74,63
- Thương mại, du lịch						390			17,18
- Các hoạt động kinh tế khác			2.270						
10. Chi quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể			5.756			1.445			25,10
Trong đó : Quỹ lương									
10.1. Quản lý Nhà nước(kể cả HĐND)			3.591			963			26,82
10.2. Đảng Cộng sản Việt Nam			824			194			23,54
10.3. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam			399			86			21,55
10.4. Đoàn Thanh niên Cộng sản HCM			236			50			21,19
10.5. Hội Liên hiệp Phụ nữ			208			52			25,00
10.6. Hội Cựu chiến binh			252			53			21,03
10.7. Hội Nông dân			197			47			23,86
10.8 Các hội đặc thù			49			10			20,41
10.9. Chi hỗ trợ khác (nếu có)									
11. Chi cho công tác xã hội			81			21			26
- Trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã nghỉ việc theo chế độ quy định và trợ cấp khác									
- Trẻ mồ côi, người già không nơi nương tựa									
- Trợ cấp xã hội									
- Khác			81			21			
12. Chi khác			30						
13. Dự phòng			590		0				0,00